TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2020/DS - PT
Ngày: 06 - 05 - 2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần

Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/DS-PT ngày 15/01/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2020/QĐ-PT ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Khắc Đ, sinh năm 1963. Trú tại: thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tạ Anh T (tên gọi khác Tạ Văn T), sinh năm 1952. Trú tại: buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Phan Thị Bạch L. Trú tại: thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Tạ Anh T.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ trình bày:

Do có quan hệ thông gia nên khoảng tháng 2/2010, ông Tạ Anh T có vay của ông Đ 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn, ông Đ đã giao đủ tiền theo giá tại thời điểm, thỏa thuận một tháng sau ông T phải trả cho ông Đ số lượng 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn theo giá tại thời điểm trả nợ, khi vay có viết giấy tờ và ông T có đưa cho ông Đ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con gái của ông T để làm tin, không lập hợp đồng thế chấp theo quy định.

Đến tháng 01/2011 ông T có trả cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thống nhất quy thành 01(một) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn, khi trả ghi trừ trực tiếp vào giấy vay, lúc này ông Đ có giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Số nợ còn lại là 06 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn, ông T cam kết miệng trả sau 2 hoặc 3 tháng nhưng đến thời hạn ông T không thực hiện nghĩa vụ.

Ngày 25/4/2011, ông Đ và ông T thỏa thuận số nợ 06 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn quy thành tiền theo giá tại thời điểm là 292.000.000 đồng và thỏa thuận với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ sau hai hoặc ba tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ và nhiều lần yêu cầu nhưng ông T không trả tiền như cam kết. Do đó, ngày 30/4/2013 ông T viết giấy biên nhận vay tiền với tổng số tiền là 400.000.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 292.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi được tính với lãi suất là 1,5%. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả sau ba tháng với mức lãi suất 2%/tháng, do không trả được khoản nợ nên đầu năm 2015 ông T xin gia hạn trả nợ đến ngày 30/4/2018. Đến nay ông T vẫn chưa thanh toán cho ông Đ được khoản tiền nào. Sau khi ông T viết giấy biên nhận vay tiền thì toàn bộ giấy vay trước đó đã thống nhất hủy bỏ.

Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền vay 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày viết giấy biên nhận vay tiền (30/4/2013) đến ngày khởi kiện với mức lãi suất 1%/tháng là 290.000.000 đồng. Tổng cộng là 690.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã rút phần một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Tạ Anh T phải trả số tiền do quy đổi từ cà phê vay theo giá tại thời điểm mà Tòa án xác minh là 48.000^{đ}/kg thành tiền là 288.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 273.588.000 đồng {gồm: tiền lãi từ ngày quy đổi cà phê thành tiền (25/4/2011) đến ngày viết giấy biên nhận tiền vay (30/4/2013) với mức lãi suất 1.125% là 79.380.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/5/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm lần 1 (18/11/2019) với mức lãi suất 1% là 194.208.000 đồng}. Tổng cộng số tiền ông T phải trả cho ông Đ là 561.588.000 đồng.

- Bị đơn ông Tạ Anh T trình bày:

Tháng 02/2010, bà Phan Thị Bạch L có nhu cầu vay tiền để đáo hạn Ngân hàng nên nhờ ông T giới thiệu để vay tiền của ông Đ. Tuy nhiên do ông Đ

không biết bà L nên không cho bà L vay. Do đó, ngày hôm sau (không có mặt bà L) ông T có vay của ông Đ 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn với giá tại thời điểm là 22.000đ/kg quy thành tiền là 154.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền từ ông Đ, thỏa thuận sau một tháng ông T trả đủ cho ông Đ 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn nói trên, khi vay ông T có đưa cho ông Đ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con gái của ông T, việc thế chấp không lập văn bản riêng mà ghi chung vào giấy vay cà phê. Toàn bộ số tiền nhận từ ông Đ, ông T đã đưa lại cho bà L vay và bà L cũng viết giấy nhận nợ với ông T số lượng 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn. Đồng thời, bà L thế chấp cho ông T lô dịch vụ chợ E, nội dung này được thể hiện tại giấy biên nhận nợ bà L ký mà ông T đã cung cấp cho Tòa án.

Ông T không nhớ rõ thời điểm, nhưng ông Vũ Khắc Đ có đem sổ đến và đã quy đổi toàn bộ số lượng cà phê nợ thành tiền, đồng thời yêu cầu ông T ký tên.

Ông T xác định chữ ký trong giấy nhận vay tiền ghi ngày 30/4/2013 và phần gia hạn đến ngày 30/4/2018 ở dưới phần người vay ký và ghi họ tên Tạ Anh T đúng là chữ ký và chữ viết của ông T. Sở dĩ ông T ký với số tiền 400.000.000 đồng là do ông Đ quy thành tiền và tính lãi, vì không có tiền trả nên ông T đồng ý ký nhận.

Cuối năm 2016, ông T và bà L có thỏa thuận với nhau là bà L chuyển nhượng cổ phần lò gạch cho ông T để khấu trừ vào số nợ 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn mà bà L vay của ông T nên bà L không còn nợ ông T nữa. Trên cơ sở này thì ông T có thỏa thuận với ông Đ cho ông T trả trước 40.000.000 đồng, xin trả với số tiền còn lại là 250.000.000 đồng, không tính lãi suất nhưng phải chờ ông T bán được cổ phần mua của bà L và thỏa thuận này được ông Đ đồng ý. Thỏa thuận này giữa ông T và ông Đ không lập thành văn bản, cũng không có ai làm chứng. Tại thời điểm này thì ông Đ đã trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của con gái ông T mà trước đó ông T đã thế chấp cho ông Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ.

[1] Buộc bị đơn ông Tạ Anh T phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ số tiền 561.588.000 đồng. Trong đó tiền vay quy đổi từ cà phê nhân xô quy chuẩn là 288.000.000 đồng và tiền lãi là 273.588.000 đồng.

[2] Về án phí: bị đơn ông Tạ Anh T phải chịu 26.463.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ số tiền 15.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0013363 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 27/11/2019 đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/12/2019, bị đơn ông Tạ Anh T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị số 1179/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T phải trả cho ông Đ số tiền lãi 273.588.000 đồng là không đúng với Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm mà cần tính lại. Ông T là người cao tuổi nên đề nghị miễn toàn bộ án phí cho ông T. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần quyết định kháng nghị đối với nội dung về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi một phần nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận việc thay đổi nội dụng kháng nghị, chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chấp

nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Tạ Anh T - Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị trong thời hạn luật định nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Tạ Anh T cho rằng cuối năm 2016, giữa ông Đ và bà L có thỏa thuận với nhau, bà L chuyển nhượng cổ phần lò gạch cho ông T để khấu trừ vào số nợ 07 (bảy) tấn cà phê nhân xô quy chuẩn mà bà L vay của ông T. Trên cơ sở này ông T với ông Đ thỏa thuận, ông T trả cho ông Đ 40.000.000 đồng và ông Đ trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống nhất ông T còn nợ ông Đ số tiền 250.000.000 đồng và không tính lãi suất, khi nào ông T bán được cổ phần lò gạch nhận chuyển nhượng từ bà L sẽ trả cho ông Đ 250.000.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn chỉ thừa nhận việc ông T đã trả 40.000.000 đồng cho ông Đ và quy đổi ra 01 tấn cà phê nhân xô, ông T còn nợ ông Đ 06 tấn cà phê, cùng lúc đó ông T xin trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T vay tiền trả nợ cho ông Đ nên ông Đ đã trả lại cho ông T. Ngoài ra ông T không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho viêc thỏa thuận nêu trên. Do đó kháng cáo của ông T đối với nội dung này không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T phải trả cho ông Đ tiền lãi từ ngày 25/4/2011 đến 30/4/2013 với mức lãi suất 1,125%/tháng, với số tiền 79.380.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 01/5/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2019 với mức lãi suất 1%/tháng là 194.208.000 đồng là không đúng với Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cần tính lại lãi suất như sau:

Lãi suất từ ngày 25/4/2011 đến ngày 30/4/2013, nguyên đơn ông Đ cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, ông T cho rằng khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông Đ không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc hai bên thỏa thuận lãi suất với mức 1,5%/tháng. Vì vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định mức lãi trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất. Cụ thể: (288.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 24 tháng) + (288.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 05 ngày)/30 = 52.200.000 đồng.

Lãi suất từ ngày 01/5/2013 đến ngày 01/01/2017. Căn cứ theo giấy biên nhận vay tiền thì hai bên thỏa thuận lãi suất với mức 2%/tháng, nhưng ông Đ chỉ yêu cầu ông T trả lãi suất với mức lãi 1% theo yêu cầu của nguyên đơn. Áp dụng khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể: (288.000.000 đồng x 1%/tháng x 44 tháng) = 126.720.000 đồng.

Lãi suất từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2019: Căn cứ theo trình bày của ông Đ thì năm 2015 ông T đã xin gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 30/4/2018. Nội dung gia hạn ông T viết không thể hiện thỏa thuận lãi suất. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Cụ thể: (288.000.000 đồng x 10%/năm x 34 tháng)/12 + (288.000.000 đồng x 10%/năm x 24 ngày)/360 = = 83.520.000 đồng.

Như vậy cần buộc ông T phải trả cho ông Đ 262.440.000 đồng tiền lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã hướng dẫn cho ông T về trường hợp được miễn án phí nhưng ông T không có đơn xin miễn án phí nên tòa án sơ thẩm không miễn án phí cho ông T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông T.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận thay đổi nội dung kháng nghị và chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tạ Anh T sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 471, 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Áp dụng khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tạ Anh T (Tạ Văn T); Chấp nhận quyết định kháng nghị số 1179/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và việc thay đổi một phần nội dung kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm của đại diện của Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ.

1. Buộc bị đơn ông Tạ Anh T (Tạ Văn T) phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ số tiền 550.440.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vay quy đổi từ cà phê nhân xô quy chuẩn là 288.000.000 đồng và tiền lãi là 262.440.000 đồng.

Kể từ ngày 27/11/2019 (ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tạ Anh T.

Trả lại cho nguyên đơn ông Vũ Khắc Đ số tiền 15.800.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0013363 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bị đơn ông Tạ Anh T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0005932 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện E;
- Các đương sự;
-…….
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung